TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2025/HSST
Ngày: 21-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TÂN THẠNH – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Vĩnh Lâm
Bà Trần Thị Năm

Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Tý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 74/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Ngô Sỹ T; sinh ngày: 04/5/1990; nơi sinh: huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: nam; con của ông Ngô Sỹ T1, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958; vợ: Nguyễn Bích T3, sinh năm 1999; có 02 con chung, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh ngày 01/9/2024; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/10/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm Giữ Công an huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị hại*: anh Phan Văn C, sinh năm: 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 254/35, Lê Quang C1, khu phố A, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Nguyễn Thế T4, sinh năm: 1963; nơi cư trú: 160/12/6, Đoàn Thị K, khu phố Đ, Phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Bích T3, sinh năm: 1999; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1954; nơi cư trú: Khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Trần Thanh S, sinh năm: 1991; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01/6/2024, do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên Ngô Sỹ T lên mạng xã hội Zalo tìm và đặt một người tên C2 (không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả một "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH678547 mang tên Ngô Sỹ T, sinh năm: 1990, CCCD số: 027090015653: địa chỉ thường trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An, thửa đất số 208, tờ bản đồ số 15, địa chỉ Cụm dân cư vượt lũ khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An với diện tích 100m²", để sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả lừa dối người khác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên và chiếm đoạt tiền của người khác. Thửa đất T đặt làm giả do bà Nguyễn Thị B (mẹ vợ của T) là người đứng tên chủ sở hữu hợp pháp và đang quản lý, sử dụng hợp pháp. Đến chiều ngày 02/6/2024, T nhận được "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" giả từ nhà xe tốc hành V. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/6/2024, T gọi điện thoại liên lạc cho anh Trần Thanh S là người môi giới mua bán đất và nhờ S tìm người để T thế chấp, cầm cố vay tiền bằng hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất treo. T lừa dối S là T có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên T, giá cần chuyển nhượng là 250.000.000 đồng, S đồng ý. Sau đó, S trực tiếp làm môi giới và liên hệ với anh Phan Văn C, giới thiệu cho T. Đến sáng ngày 04/6/2024, S và C đến gặp T tại vị trí thửa đất thuộc Cụm dân cư vượt lũ khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An theo hướng dẫn của T. Sau khi S và C xem đất xong, thì C đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất nói trên với giá 250.000.000 đồng và thống nhất vào chiều ngày 04/6/2024, cùng đến Văn phòng công chứng Nguyễn Minh T5 thuộc khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên với số tiền 250.000.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ ngày 04/6/2024, T nói với Nguyễn Bích T3 (vợ T) là cùng đi với T để T làm thủ tục vay tiền, T không nói cho T3 biết về việc sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chiếm đoạt tiền của người khác. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở T3 và một người con 04 tuổi đi đến Văn phòng công chứng Nguyễn Minh T5 để gặp anh C. Khi đến Văn phòng công chứng Nguyễn Minh T5 thì ông Nguyễn Thế T4 là Công chứng viên trực tiếp soạn và lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Ngô Sỹ T, Nguyễn Bích T3, bên nhận chuyển nhượng là Phan Văn C, nội dung chuyển nhượng là toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 208, tờ bản đồ số 15, địa chỉ Cụm dân cư vượt lũ khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An với giá chuyển nhượng là 250.000.000 đồng. Sau đó, ông T4 tiến hành kiểm tra, thẩm định "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" do T cung cấp và xác minh nguồn gốc đất thì phát hiện là Giấy giả nên trình báo đến Công an thị trấn T, huyện T. Qua điều tra, Ngô Sỹ T tự nguyện khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Bản Kết luận giám định số 543/KL-KTHS ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh L. Kết luận: "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mẫu in sẵn, số DH 678547; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Ngô Sỹ T, sinh năm: 1990, CCCD số: 027090015653: địa chỉ thường trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An, thửa đất số 208, tờ bản đồ số 15, địa chỉ Cụm dân cư vượt lũ khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, diện tích 100m², ngày cấp 02/6/2023, số vào sổ cấp GCN: CH03953; chữ ký mang tên Lê Thành Y bằng bút bic màu xanh, hình dấu tròn "Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An" màu đỏ, ở mục "TM. Ủy ban nhân dân huyện T KT. Chủ tịch Phó Chủ tịch", in trên tờ giấy bìa cứng (đóng dấu TLCGĐ, ký hiệu A) là giả.

Tại bản cáo trạng số 75/CT-VKSTT, ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố bị cáo Ngô Sỹ T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu; bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về bản kết luận giám định, đồng thời không có khiếu nại gì đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 15, 38, 50, 57; điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, đề nghị tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành từ 07 năm đến 09 năm tù.

Về vật chứng: đề nghị tiếp tục lưu giữ hồ sơ chính vụ án 01 "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mẫu in sẵn, số DH 678547; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Ngô Sỹ T, sinh năm: 1990, CCCD số: 027090015653: địa chỉ thường trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An, thửa đất số 208, tờ bản đồ số 15, địa chỉ Cụm dân cư vượt lũ khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, diện tích 100m², ngày cấp 02/6/2023, số vào sổ cấp GCN: CH03953; chữ ký mang tên Lê Thành Y bằng bút bic màu xanh, hình dấu tròn "Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An" màu đỏ, ở mục "TM. Ủy ban nhân dân huyện T KT. Chủ tịch Phó Chủ tịch", in trên tờ giấy bìa cứng.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xác định lại tư cách người tham gia tố tụng: xét thấy tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên toà có xác định ông Trần Thanh S là người làm chứng. Tuy nhiên, xét thấy ông S có liên quan đến vụ án nên xác định lại ông S tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại là anh Phan Văn C; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Thế T4, bà Nguyễn Thị B và anh Trần Thanh S nhưng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, giấy báo phiên toà đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về hành vi phạm tội của bị cáo và tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, Ngô Sỹ T đã nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tìm người có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để lấy tiền tiêu xài cá nhân. T đã đặt trên mạng làm "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" giả. Sau đó, thông qua anh Trần Thanh S là người môi giới mua bán đất T đã thỏa thuận chuyển nhượng QSDĐ giả cho anh Phan Văn C nhằm mục đích chiếm đoạt của anh C số tiền 250.000.000đ. Khoảng 14 giờ ngày 04/6/2024, T và anh C đến Văn phòng C3 tại khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thì được ông Nguyễn Thế T4 là Công chứng viên trực tiếp soạn và lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá chuyển nhượng là 250.000.000 đồng. Khi anh T4 tiến hành kiểm tra, thẩm định "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" thì phát hiện là Giấy giả nên trình báo đến Công an thị trấn T, huyện T.

Ngô Sỹ T đã trực tiếp thực hiện hành vi sử dụng "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" giả, lừa dối lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Phan Văn C với số tiền

250.000.000 đồng nhưng khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bị công chứng viên phát hiện, ngăn chặn nên T chưa chiếm đoạt được tiền của anh C. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách triệm hình sự. Do đó, T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt đối với số tiền định chiếm đoạt là 250.000.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu, giấy tờ, làm mất an ninh trật tự ở địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[5.2] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự: bị cáo Ngô Sỹ T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, xét thấy bị cáo có 02 con còn nhỏ, con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2024; bị cáo có mẹ già không còn khả năng lao động; bị cáo là lao động chính trong gia đình nên cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5.4] Xét về nhân thân của bị cáo: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm 02 tội rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên căn cứ quy định tại Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, quyết định hình phạt cho bị cáo không quá ¾ mức hình phạt điều luật quy định. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành

người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về căn cứ pháp lý, về hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc là công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản" và tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng ". Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo trước khi phạm tội bị cáo nghề nghiệp làm ruộng, không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản của bị hại thì bị công chứng viên phát hiện đã sử dụng giấy tờ giả nên không phát sinh trách nhiệm dân sự phải giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự để xử lý vật chứng, cụ thể như sau:

Đối với 01 "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất", mẫu in sẵn, số DH 678547; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Ngô Sỹ T, sinh năm: 1990, CCCD số: 027090015653: địa chỉ thường trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An, thửa đất số 208, tờ bản đồ số 15, địa chỉ Cụm dân cư vượt lũ khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, diện tích 100m², ngày cấp 02/6/2023, số vào sổ cấp GCN: CH03953; chữ ký mang tên Lê Thành Y bằng bút bic màu xanh, hình dấu tròn "Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An" màu đỏ, ở mục "TM. Ủy ban nhân dân huyện T KT. Chủ tịch Phó Chủ tịch", in trên tờ giấy bìa cứng, đây là vật chứng bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tiếp tục lưu hồ sơ chính vụ án.

[10] Về các vấn đề khác:

[10.1] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Bích T3: chị T3 là vợ của bị cáo Ngô Sỹ T. Vào ngày 04/6/2024, chị T3 đi cùng T đến Văn phòng C3 để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Phan Văn C. Tuy nhiên, qua điều tra xác định Ngô Sỹ T không nói cho T3 biết việc T đặt làm giả và sử dụng "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" giả để thực hiện hành vi lừa dối lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, để chiếm đoạt tiền. Vào ngày 04/6/2024, T nói với chị T3 là đi làm thủ tục để T vay tiền của anh Phan Văn C nên chị T3 đồng ý cùng đi. Khi đến văn phòng Công chứng thì chị T3 giữ con nhỏ (04 tuổi) nên không biết nội dung Tân lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh C, T3 không đọc lại hợp đồng chuyển nhượng nên không biết rõ nội dung trong hợp đồng. Do đó, hành vi của chị Nguyễn Bích T3 không đồng phạm với Ngô Sỹ T về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định.

[10.2] Đối với anh Trần Thanh S có hành vi làm môi giới cho bị cáo Ngô Sỹ T bán đất cho anh Phan Văn C. Tuy nhiên, qua điều tra xác định anh S không biết việc T đặt làm giả và sử dụng "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" giả thực hiện hành vi lừa dối anh Phan Văn C lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của anh C nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định.

[10.3] Đối với người thanh niên tên C2 (không rõ nhân thân, lai lịch) đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Ngô Sỹ T. T không biết nhân thân, lai lịch của C2. Qua điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Long An không xác định được nhân thân, lai lịch của C2 nên không có đủ căn cứ để điều tra, xử lý theo quy định pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo Ngô Sỹ T phải chịu theo quy định của pháp luật theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Sỹ T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 15, 38, 50, 57 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: bị cáo Ngô Sỹ T 04 (bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: bị cáo Ngô Sỹ T 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giam (ngày 03/10/2024).

2. Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự;

Tiếp tục lưu hồ sơ chính vụ án vật chứng là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mẫu in sẵn, số DH 678547; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Ngô Sỹ T, sinh năm: 1990, CCCD số: 027090015653: địa chỉ thường trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An, thửa đất số 208, tờ bản đồ số 15, địa chỉ Cụm dân cư vượt lũ khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, diện tích 100m², ngày cấp 02/6/2023, số vào sổ cấp GCN: CH03953; chữ ký mang tên Lê Thành Y bằng bút bic màu xanh, hình dấu tròn "Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long

An” màu đỏ, ở mục “TM. Ủy ban nhân dân huyện T KT. Chủ tịch Phó Chủ tịch”, in trên tờ giấy bìa cứng.

4. Về án phí: căn cứ Điều 135, 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Ngô Sỹ T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

5. Về quyền kháng cáo: căn cứ các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần nội dung của bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần nội dung của bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- CA huyện Tân Thạnh;
- THADS huyện Tân Thạnh;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh